

Số: /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng  
Công trình: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao,  
huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1636/TTr-SGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2021.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu: xây dựng cầu và đường đầu nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm nhằm nâng cao năng lực vận tải của các phương tiện vận chuyển hàng hóa giữa các xã với trung tâm huyện; Kết nối các trung tâm kinh tế giữa huyện với các xã vùng sâu vùng xa, tạo điều kiện cho việc giao lưu phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội, từng bước nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân từ đó giảm được các hủ tục, phong tục lạc hậu, đảm bảo công tác an ninh quốc phòng; đáp ứng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong các huyện Bảo Lâm nói riêng và tỉnh Cao Bằng nói chung; từng bước hoàn chỉnh và hoàn thiện mạng lưới giao thông theo quy hoạch phát triển GTVT tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, tầm nhìn 2030 của UBND tỉnh Cao Bằng

4.2. Quy mô đầu tư: thiết kế với quy mô đường cấp VI miền núi (theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005)

Phương án xây dựng như sau:

a) Tổng chiều dài công trình  $L = 1.254,12$  m..

- Điểm đầu: nối vào quốc lộ 34, thuộc địa phận thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng

- Điểm cuối: nối vào đường đi các xã Nam Cao, Nam Quang và kết nối với huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

b) Nền, mặt đường:

+ Chiều rộng nền đường:  $B_{\text{nền}} = 6,0\text{m}$ .

+ Chiều rộng mặt đường:  $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$ ;

+ Chiều rộng lề đường:  $B_{\text{lề}} = 2 \times 1,25\text{m}$ ;

+ Dốc ngang mặt đường:  $i_{\text{mặt}} = 2\%$ ;

+ Dốc ngang lề đường:  $i_{\text{lề}} = 4\%$ .

c) Độ dốc dọc lớn nhất:  $I_{dmax} = 11\%$  (đoạn khó khăn chằm trước 15%).

d) Bán kính đường cong nằm tối thiểu:  $R_{min} = 15m$ , cá biệt chằm trước 01 đỉnh  $R=8m$  đo địa hình khó khăn.

e) Vận tốc thiết kế:  $V_{tk} = 20 \text{ Km/h}$ .

f) Tần suất thiết kế:  $P=4\%$  đối với cầu, cống nhỏ;  $P=1\%$  đối với cầu lớn và cầu trung.

g) Tải trọng thiết kế: H30-XB80 đối với cống; HL93, người bộ hành  $3 \times 10^{-3} \text{ Mpa}$  đối với cầu.

h) Hệ thống an toàn giao thông: thiết kế mới công trình phòng hộ tôn sóng, cột Km, cột H, cột tiêu và biển báo phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

i) Công trình thoát nước: thiết kế vĩnh cửu bằng BT, BTCT, đá học xây

- Cống thoát nước: thiết kế 01 cống tròn  $DK=100$ ;

- Rãnh dọc thoát nước: tại các đoạn nền đường đào có địa chất là đá, thiết kế rãnh tam giác, lòng rãnh tạo phẳng bằng BTXM M150, dày trung bình 5cm.

k) Phần cầu:

- Cầu 1 tại  $Km0+79,24$  vượt qua sông Gâm:

+ Cầu gồm 04 nhịp dầm BTCT DƯL  $L_n=30m$ , tiết diện chữ “I”, chiều dài toàn cầu  $L=134,25m$ . Bề rộng toàn cầu  $B=9m$ . Mặt cắt ngang cầu gồm 04 phiến dầm, khoảng cách giữa các dầm là 2.4m. Chiều cao dầm chủ  $h=1,60m$ ;

+ Mố cầu bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ, móng mố đặt trên hệ cọc khoan nhồi  $D=1,0m$ ;

+ Trụ cầu dạng trụ đặc bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ, móng trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi  $D=1,0 \text{ m}$ .

- Cầu 2 tại  $Km0+198,57$  vượt qua suối vào xã Nam Quang, Nam Cao:

+ Cầu gồm 2 nhịp dầm BTCT DƯL  $L_n=24m$ , tiết diện chữ “I”, chiều dài toàn cầu  $L=61,15m$ . Bề rộng toàn cầu:  $B=2 \times 3,25 + 2 \times 0,5 = 7,5m$ ;

+ Mặt cắt ngang cầu gồm 3 phiến dầm, khoảng cách giữa các dầm là 2,45m, chiều cao dầm chủ  $h=1,45 \text{ m}$ ;

+ Mố cầu bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ, móng mố đặt trên hệ cọc khoan nhồi  $D=1,0 \text{ m}$ ;

+ Trụ cầu dạng trụ đặc bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ, móng trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi  $D=1,0m$ .

l) Kết cấu mặt đường, lề đường:

- Kết cấu 1: áp dụng cho đoạn đường nền đất:

+ Bê tông xi măng mác M300# dày 20cm;

- + Giấy dầu;
- + Móng trên CPĐD loại I dày 20cm;
- + Lớp K98 dày 50cm trên nền đắp hoặc xáo xối 30cm trên nền đào đất.

- Kết cấu 2: áp dụng cho đoạn trên nền đá:

- + Bê tông xi măng mác M300# dày 20cm;

+ Giấy dầu;

- + Móng trên CPĐD loại I dày 20cm;

- Kết cấu lè gia cố (trên nền đất đắp): 15cm cấp phối đá thải loại, đá tận dụng.

m) Đẩu nối, giao cắt: tại các vị trí giao cắt đường ngang, thiết kế vuốt nối đường ngang để đảm bảo êm thuận cho các phương tiện tham gia giao thông.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng: Công ty Cổ phần xây dựng Đông Nam Bộ.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: thị trấn Pác Miều, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 16.000 m<sup>2</sup>.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính:

- Loại, nhóm dự án : Công trình giao thông đường bộ, dự án nhóm B

- Cấp công trình: Công trình cấp IV

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

- Tổng mức đầu tư: **130.000.000.000 đồng**

- Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

+ Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	1.895.000.000	đồng
+ Chi phí xây dựng:	96.093.000.000	đồng
+ Chi phí quản lý dự án:	1.775.000.000	đồng
+ Chi phí tư vấn ĐTXD:	7.341.000.000	đồng
+ Chi phí khác:	1.472.000.000	đồng
+ Chi phí dự phòng:	21.424.000.000	đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021-2023

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí vốn:

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

- Dự kiến bố trí vốn:

+ Ngân sách Trung ương bố trí: 110.000.000.000 đồng;

+ Ngân sách địa phương bố trí: 20.000.000.000 đồng.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: theo quy định hiện hành.

14. Các nội dung khác: theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định.

**Điều 2.** Chủ đầu tư chịu trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục đầu tư, tổ chức triển khai thực hiện đầu tư theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và những nội dung đã ghi trong Điều 1 của Quyết định này, đảm bảo không vượt tổng mức đầu tư đã phê duyệt; chủ động bố trí phần vốn ngân sách của huyện đảm bảo dự án hoàn thành đúng tiến độ, không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Cao Bằng, Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, GT<sub>H</sub> (06b).

**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Xuân Ánh**